

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ ĐỒN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Chợ Đồn, ngày tháng 8 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thông qua Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Nam Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN  
KHÓA XX, KỲ HỌP THỨ BẢY  
(KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Luật Điện lực số 28/2004/QH11 ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2005; Luật số 24/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2010;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý phát triển cụm công nghiệp; Nghị định Số 66/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư;*

*Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BCT quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.*

*Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch khu chức năng đặc thù;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT- BXD ngày 01/02/2016 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật;*

*Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019, của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021, của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về “Quy hoạch xây dựng”, QCVN 01:2021/BXD; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình Hạ tầng kỹ thuật - QCVN 07:2016/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01/02/2016 của Bộ Xây dựng”.*

*Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích về một số điều của Luật quy hoạch;*

*Căn cứ Quyết định số 2078/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;*

*Căn cứ quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 6/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc thành lập cụm công nghiệp Nam Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.*

*Căn cứ Quyết định số 485/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 61/NQ-HĐND, ngày 14/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về chủ trương đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật cơ bản các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;*

*Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 14/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về Kỳ họp thứ hai (kỳ họp chuyên đề) Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026;*

*Xét Báo cáo thẩm định số 87/TB-KT&HT ngày 29/7/2022 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Chợ Đồn về việc Thông báo kết quả thẩm định Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Nam Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn;*

*Xét Tờ trình số 1721/TTr-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2022 của UBND huyện Chợ Đồn về việc đề nghị thông qua Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Nam Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn; Báo cáo thẩm tra số 37/BC-HĐND ngày 29/8/2022 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp,*

## **QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1.** Thông qua Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Nam Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn với các nội dung sau:

1. Tên đồ án: Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Nam Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

2. Chủ đầu tư: Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Bắc Kạn.

3. Địa điểm quy hoạch: Thôn Bản Tàn, thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

4. Phạm vi, ranh giới nghiên cứu.

5. Mục tiêu, tính chất khu vực lập quy hoạch.

6. Các tiêu chuẩn để xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật.

7. Quy hoạch sử dụng đất.

8. Các yêu cầu về tổ chức không gian và bảo vệ cảnh quan.

9. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

10. Sơ bộ tổng mức đầu tư và nguồn vốn thực hiện.

*(Có tóm tắt nội dung Đồ án gửi kèm theo Nghị quyết)*

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Chợ Đồn khóa XX, kỳ họp thứ bảy (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 30 tháng 8 năm 2022./.

### ***Nơi nhận:***

*Gửi bản điện tử:*

- TT HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch & ĐT;
- TT Huyện ủy, HĐND, UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Trung tâm Khuyến công và XTTM tỉnh;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, thị trấn;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;

*Gửi bản giấy:*

- Lưu VT, TH.

**CHỦ TỊCH**

**Ma Thị Na**

## TÓM TẮT NỘI DUNG ĐỒ ÁN

### Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Nam Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2022  
của HĐND huyện Chợ Đồn)

**1. Tên đồ án:** Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 cụm công nghiệp Nam Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

**2. Chủ đầu tư:** Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Bắc Kạn.

**3. Địa điểm quy hoạch:** Thôn Bản Tàn, thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

#### **4. Phạm vi, ranh giới nghiên cứu:**

- Vị trí: Khu vực lập quy hoạch nằm tại thôn Bản Tàn, thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn.

- Phạm vi ranh giới:

+ Phía Bắc giáp đất rừng sản xuất.

+ Phía Đông giáp suối Bản Tàn.

+ Phía Nam giáp xã Bằng Lãng.

+ Phía Tây giáp đất rừng sản xuất.

- Giới hạn khu vực lập quy hoạch: Khu vực lập quy hoạch được giới hạn và khép góc bởi các điểm M1, M2, M3, ..., M15, M16, M17, M1 (có sơ đồ vị trí và phạm vi ranh giới khu vực nghiên cứu lập quy hoạch kèm theo).

- Diện tích khu vực lập quy hoạch: 20 ha.

#### **5. Mục tiêu, tính chất khu vực lập quy hoạch:**

##### **5.1. Mục tiêu:**

- Cụ thể hóa Quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2010-2020, có xét đến năm 2025.

- Xây dựng cụm công nghiệp Nam Bằng Lũng để tạo mặt bằng sạch, kết nối giao thông đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp nhằm phát huy tiềm năng lợi thế của huyện Chợ Đồn, thu hút các doanh nghiệp đầu tư các dự án sản xuất vào cụm công nghiệp, từng bước thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn huyện Chợ Đồn nói riêng và tỉnh Bắc Kạn nói chung đồng thời đảm bảo kết nối đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, kiến trúc cảnh quan và môi trường khu vực.

- Làm cơ sở pháp lý để quản lý Nhà nước về quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng theo hướng phát triển bền vững.

- Cụ thể hóa Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Kạn đến năm 2035 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ tại Quyết định số 1036/QĐ-TTg, ngày 09/06/2016.

- Cụ thể hóa chủ trương đầu tư phát triển các cụm công nghiệp tập trung của tỉnh Bắc Kạn trong đó có Cụm công nghiệp Nam Bằng Lũng, thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Xây dựng cụm công nghiệp Nam Bằng Lũng đồng bộ về hạ tầng, có quy chế quản lý phù hợp, phát huy được lợi thế và nguồn lực của địa phương, nhằm khai thác và sử dụng có hiệu quả.

- Phát triển cụm công nghiệp theo mô hình bền vững, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Xác định mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh, đồng bộ, làm cơ sở cho việc đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật như đường giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, thông tin liên lạc, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường.

- Làm cơ sở cho các chủ đầu tư lập dự án đầu tư xây dựng theo trình tự quản lý đầu tư xây dựng hiện hành và làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý xây dựng theo quy hoạch.

**5.2. Tính chất:** Cụm công nghiệp Nam Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn định hướng với các ngành nghề chủ yếu: Sản xuất kim loại, sản xuất kim loại đúc sẵn, sản xuất thiết bị điện (pin, ắc quy,...); sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy; hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải; tái chế phế liệu.

## 6. Các tiêu chuẩn để xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2019/BXD:

STT	Loại đất	Tỷ lệ (%) Diện tích toàn khu	Ghi chú
1	Giao thông	$\geq 10$	Áp dụng theo Bảng 2.4. tại Thông tư số 01/2021TT-BXD
2	Cây xanh	$\geq 10$	
3	Các khu kỹ thuật	$\geq 1$	

STT	Hạ tầng kỹ thuật	Đơn vị	Chỉ tiêu	Căn cứ
1	Chỉ tiêu cấp nước tối thiểu:			Áp dụng theo Mục 2.10.2 tại Thông tư số 01/2021/TT-BXD
	- Nước công nghiệp	m <sup>3</sup> /ha-ng.đ	45	
	- Nước khu điều hành+hkt	Lít/m <sup>2</sup> sàn/ngđ	3	
	- Nước dự phòng	%Q	15	
2	Chỉ tiêu cấp điện tối thiểu			
	- Điện công nghiệp	KW/ha	200	Áp dụng theo Bảng 2.29 tại Thông tư số 01/2021/TT-BXD
	- Khu điều hành	w/m <sup>2</sup> sàn	30	Áp dụng theo Bảng 2.28 tại Thông tư số 01/2021/TT-BXD
3	Chỉ tiêu thoát nước thải tối thiểu			
	- Nước thải sinh hoạt	l/người/ng.đ	90% tiêu chuẩn cấp nước	
	- Nước thải công nghiệp	m <sup>3</sup> /ha-ng.đ	100% tiêu chuẩn cấp nước	Áp dụng theo Mục 2.11.1 tại Thông tư số 01/2021/TT-BXD
	- Nước cho công trình công cộng	%Qsh	90% tiêu chuẩn cấp nước	
4	Chỉ tiêu tính toán thải rác tối thiểu			Áp dụng theo Mục 2.12.1 và Bảng 2.23 tại Thông tư số 01/2021/TT-BXD

Mật độ xây dựng thuần của lô đất xây dựng nhà máy, kho tàng tối đa 70%. Đối với các lô đất xây dựng nhà máy có trên 5 sản sử dụng để sản xuất, mật độ xây dựng thuần tối đa là 60%.

## 7. Quy hoạch sử dụng đất

### 7.1. Các chức năng được xác định trong khu quy hoạch:

- Đất xây dựng nhà máy.
- Đất xây dựng công cộng và dịch vụ cụm công nghiệp.
- Đất xây dựng khu đầu mối hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.
- Đất xây dựng khu cây xanh, cây xanh cách ly.
- Đất giao thông.

### 7.2. Bảng tính toán nhu cầu sử dụng đất:

STT	CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT	KÍ HIỆU	DIỆN TÍCH (M <sup>2</sup> )	TỶ LỆ (%)
<b>TỔNG DIỆN TÍCH KHU VỰC NGHIÊN CỨU</b>			<b>200.000,00</b>	<b>100,00</b>
1	ĐẤT XÂY DỰNG NHÀ MÁY	CN	115.396,46	57,70
2	ĐẤT CÔNG CỘNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP	CC	5.638,05	2,82
3	ĐẤT ĐẦU MỐI HTKT	HTKT	3.405,26	1,70
4	ĐẤT CÂY XANH	CX	21.503,27	10,75
5	MẶT NƯỚC	MN	2.107,20	1,05
6	ĐẤT GIAO THÔNG	GT	20.046,00	10,02
7	ĐẤT BỜ KÈ - TALUY	BK	31.903,76	15,95

## 8. Các yêu cầu về tổ chức không gian và bảo vệ cảnh quan

Tại trục đường chính trung tâm của cụm công nghiệp kết nối với tuyến Tỉnh lộ 254 tổ chức hệ thống cây xanh vỉa hè có bán kính tán cây lớn, màu sắc nổi bật tạo điểm nhấn về thị giác cho toàn bộ khu vực. Phía cổng vào cụm công nghiệp bố trí công trình nhà điều hành dịch vụ có hình thức kiến trúc nổi bật, màu sắc hài hòa với tổng thể chung của toàn khu vực. Hai bên đường là các công trình cao 2-3 tầng của khối công trình nhà máy và các khu sản xuất công nghiệp, tạo ra sự thu hút về tầm nhìn của cụm công nghiệp. Các nhà máy được tổ chức theo nhiều hình thức từ thấp tầng trải rộng (1 tầng) cho đến cao tầng (2-3 tầng).

Từng nhà máy hoặc xí nghiệp khi thiết kế công trình cụ thể phải chú trọng



về thẩm mỹ gắn với công năng công trình và hoàn thiện cây xanh, sân vườn, tiểu cảnh và tượng đài để đóng góp với cảnh quan chung của toàn cụm công nghiệp. Mở rộng hướng nhìn của công trình ra mặt đường, xây các hàng rào rỗng, hình thức kiến trúc thông thoáng để đưa tầm nhìn vào sân khu sân vườn phía trước các nhà máy. Các công trình phụ trợ của từng nhà máy nên đặt ở phía sau.

## **9. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật**

### **9.1. Quy hoạch giao thông:**

- Mạng lưới đường trong cụm công nghiệp được thiết kế kết nối với đường ĐT.254. Mạng lưới đường và bố trí lối vào nhà máy hợp lý và thuận tiện.

- Kết cấu áo đường sử dụng đồng bộ vật liệu nhựa asphalt.

- Độ dốc dọc được lựa chọn thiết kế: Đường dốc dọc thiết kế  $i \leq 10\%$ .

c. Quy mô mặt cắt:

#### Mặt cắt 1-1:

- Lòng đường: =15,0m

- Hè đường:  $2 \times 6,5 = 13,0$  m (lát hè mỗi bên 3m, trồng cỏ 3,5m).

- Lộ giới: 28,0 m

- Mái ta luy đào  $m=1:1$ , ta luy đắp  $m=1:1,5$

#### Mặt cắt 2-2:

- Lòng đường: = 10,5m

- Hè đường:  $2 \times 3,0 = 6,0$  m

- Lộ giới: 16,50 m

- Mái ta luy đào  $m=1:1$ , ta luy đắp  $m=1:1,5$

### **9.2. Quy hoạch san nền:**

- Cao độ san nền lựa chọn phù hợp với cao độ của các tuyến đường trong cụm công nghiệp. Giải pháp san nền theo đường đồng mức có độ dốc 1,0÷3,0%, với chiều cao giảm dần từ Tây sang Đông:

- Cao độ san nền cao nhất là +338,00 m, cao độ san nền thấp nhất là +323,25 m.

- Cao độ san nền tại điểm đầu nối với đường ĐT.254 là 323,25m đảm bảo độ dốc theo tiêu chuẩn quy định để giao thông được thuận tiện.

- Hướng dốc của san nền: dốc từ trong nền các lô công nghiệp đổ ra xung quanh, nước mưa được thu vào mương hở và hệ thống thoát nước đặt dọc theo hệ thống giao thông nội bộ trong cụm công nghiệp.

### **9.3. Quy hoạch thoát nước mưa:**

- Mạng lưới thoát nước mưa khu vực xây dựng mới là hệ thống thoát nước riêng tự chảy.

- Xây dựng mới hệ thống rãnh BTCT và cống hộp BTCT đảm bảo yêu cầu thoát nước, giảm tải nền, đồng thời tạo cảnh quan chung cho khu vực.

Nước mưa được thu gom, tự chảy bám sát theo địa hình tự nhiên và hướng san nền. Hướng thoát nước chính từ Tây sang Đông, nước mưa được thoát vào suối hiện hữu phía Đông khu quy hoạch.

- Hoàn trả tuyến suối hiện trạng bằng kênh hở B=10m, nắn hướng tuyến kênh chạy dọc ranh giới phía Đông Nam trả về hướng tuyến suối hiện trạng.

### **9.4. Quy hoạch cấp nước:**

- Nguồn nước dự kiến: Dự kiến xây dựng trạm xử lý nước cấp tại khu vực ô đất Hạ tầng kỹ thuật. Nguồn nước thô sử dụng suối và nước ngầm.

- Tổng nhu cầu dùng nước cụm công nghiệp là 710m<sup>3</sup>/ngđ. Xây dựng trạm cấp nước và bể chứa nước sạch có dung tích trữ nước cho 1,5 ngày và trữ nước cho công tác chữa cháy. Dung tích bể chứa nước chính xác sẽ được tính toán cụ thể ở giai đoạn sau.

- Gần khu vực đặt bể chứa nước sạch bố trí trạm bơm cấp nước sạch để cấp nước đến tất cả các điểm dùng nước trong cụm công nghiệp.

- Thiết kế mạng lưới cấp nước cho khu theo dạng kết hợp giữa cấp nước sản xuất, sinh hoạt và cứu hoả. Mạng lưới đường ống truyền tải được thiết kế theo mạng vòng và mạng hở bao quanh cụm công nghiệp và các khu dịch vụ... đảm bảo áp lực đủ đưa nước tới mọi điểm dùng nước với áp lực tại điểm bất lợi nhất lớn hơn 10 mét.

### **9.5. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:**

#### **a. Thoát nước thải:**

- Nước thải được thu gom và tự chảy hết về trạm xử lý nước thải tập trung nằm ở ô đất HTKT phía Nam của cụm công nghiệp. Nước thải sau khi xử lý đạt loại A theo QCVN 40:2011/BTNMT sẽ thoát vào hệ thống thoát nước mưa của cụm công nghiệp.

#### **b. Vệ sinh môi trường:**

- Đối với chất thải rắn thông thường:

+ Được phân loại ngay tại nguồn và chia thành 2 loại: Chất thải có thể dùng để tái chế, tái sử dụng; chất thải phải tiêu hủy hoặc chôn lấp.

+ Phương tiện lưu chứa chất thải rắn thông thường là các thùng rác có kích thước khác nhau và được bố trí tại các nguồn phát thải.

- Chất thải rắn thông thường sẽ được thu gom hàng ngày và được vận chuyển về khu xử lý rác tập trung theo quy định.

- Đối với chất thải nguy hại:

+ Chất thải có chứa hoặc dính các thành phần nguy hại như rẻ lau hoặc bao bì dính dầu nhớt, xăng dầu, hóa chất,... Chất thải rắn nguy hại sẽ được phân loại ngay tại nguồn phát sinh và được chứa trong thùng riêng. Đặt các thùng rác tại khu vực có khả năng phát sinh chất thải nguy hại, xây dựng phòng riêng để lưu chứa chất thải nguy hại, bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại đảm bảo đúng quy định.

+ Chất thải nguy hại sau khi được phân loại sẽ được thu gom, tập trung sau đó được vận chuyển đi xử lý định kỳ theo quy định.

### ***9.6. Quy hoạch cấp điện, chiếu sáng và thông tin liên lạc:***

a. Quy hoạch cấp điện:

Lưới điện trung thế:

- Để đảm bảo nhu cầu cung cấp điện cho toàn bộ Cụm Công nghiệp, dự kiến đầu tư xây đường dây trên không cấp điện cho từng lô đất.

- Lưới điện trung thế trong cụm công nghiệp được quy hoạch đi nổi, sử dụng dây nhôm lõi thép AC tiết diện 240mm<sup>2</sup> đi trên cột bê-tông cốt thép li tâm dựng bên ngoài tường rào nhà máy để đảm bảo hành lang an toàn lưới điện theo qui định.

- Trạm biến áp bố trí tại giai đoạn quy hoạch chỉ là đề xuất về tổng công suất trạm cần thiết phục vụ cho cụm công nghiệp. Tương lai khi đi vào hoạt động, tại các nhà máy, xí nghiệp trong cụm công nghiệp sẽ có các trạm hạ áp 35(22)/0,4kV. Công suất của các trạm này sẽ phụ thuộc vào phụ tải điện của từng nhà máy, xí nghiệp.

- Các trạm biến áp hạ thế của cụm công nghiệp được đấu nối với đường dây trên không 35kV qua các bộ dao cách ly lắp đặt trên cột điểm đầu điện.

- Các trạm biến áp lần lượt cấp điện cho trung tâm điều hành, các tủ chiếu sáng giao thông và cảnh quan, trạm xử lý nước thải, hệ thống cấp nước được xây lắp ngay từ đầu để phục vụ chung.

b. Chiếu sáng:

- Bố trí một hàng cột dọc theo vỉa hè, tùy theo chiều rộng đường và theo kết quả tính toán sẽ bố trí hàng cột ở một bên vỉa hè hoặc cả hai bên vỉa hè, khoảng cột trung bình 30m-40m, độ cao treo đèn là 11m. Cột và cần đèn được mạ kẽm nhúng nóng sau đó được sơn màu.

- Bố trí hệ thống đèn trên các tuyến đường trong cụm công nghiệp phụ thuộc vào kết quả tính toán cụ thể trong giai đoạn thiết kế kỹ thuật và lập bản vẽ thi công chi tiết.

c. Thông tin liên lạc:

- Hệ thống thông tin được thiết kế đảm bảo đủ và có dự phòng cho nhu cầu tất cả các doanh nghiệp dự kiến sẽ hoạt động trong cụm công nghiệp.
- Giải pháp công nghệ bảo đảm phù hợp và có thể kết nối với các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông đang cung cấp trên địa bàn của cụm công nghiệp.
- Hệ thống thông tin được đi ngầm bên trong, đảm bảo an toàn thông tin và mỹ quan.

**9.7. Tổng hợp đường dây và đường ống kỹ thuật**

- Ưu tiên các loại đường ống tự chảy, ống có kích thước lớn và đường ống thi công khó khăn.
- Bảo đảm khoảng cách tối thiểu theo quy phạm giữa các đường ống với nhau và với các công trình xây dựng cả về chiều cao và chiều đứng.
- Các công trình cố gắng bố trí song song với nhau và với tim đường quy hoạch, hạn chế giao cắt nhau. Các đường cống cố gắng bố trí trên hè đường hoặc các giải phân cách, hạn chế bố trí dưới lòng đường khi không cần thiết.

**9.8. Đánh giá tác động môi trường chiến lược**

Đồ án đã đánh giá môi trường chiến lược theo các quy định hiện hành, khi triển khai thực hiện cần tuân thủ các giải pháp để đảm bảo phát triển bền vững, giảm thiểu các tác động ảnh hưởng đến môi trường toàn khu vực.

**10. Sơ bộ tổng mức đầu tư và nguồn vốn thực hiện:**

- Tổng kinh phí xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khoảng: 141,66 tỷ đồng.  
(*Bảng chữ: Một trăm bốn mươi một tỷ, sáu trăm sáu mươi triệu đồng./.*).

- Nguồn vốn thực hiện:

Cơ cấu nguồn vốn:

+ Vốn đầu tư công chiếm 46,2% tổng mức đầu tư.

+ Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác chiếm 53,8%.

---